

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II - NH: 2022 - 2023
MÔN: GDCD LỚP 12
THỜI GIAN: 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG SỐ CÂU	TỔNG THỜI GIAN	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian			
1	Công dân với các quyền dân chủ	1. Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân.	6	6	4	5	3	4.5	2	6	15	21.5	47.8%
		2. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội											
		3. Quyền khiếu nại và tố cáo của công dân											
2	Pháp luật với sự pháp triển của công dân	1. Quyền học tập của công dân	4	4	3	3.75	2	3	1	3	10	13.75	30.6%
		2. Quyền sáng tạo của công dân											
		3. Quyền phát triển của công dân											
3	Pháp luật với sự phát triển bền	1. Nội dung cơ bản về sự phát triển kinh tế	3	3	3	3.75	2	3			8	9.75	21.6%

	vững bền vững của đất nước.	2. Nội dung cơ bản về sự phát triển các lĩnh vực xã hội.											
4	Tổng số câu		13	13	10	12.5	7	10.5	3	9	33	45	
5	Tỉ lệ(%)		39.39	28.89	30.3	27.78	21.21	13.33	9.09	20	100		100
6	Tổng số điểm		3.9		3.0		2.1		1				

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG SỐ CÂU	TỔNG THỜI GIAN	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian			
1	Nhà nước Xã hội chủ nghĩa	1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước.	3	3	2	2.5	2	3	1	3	8	11.5	25.55
		2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.											
		3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam											
2	Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	2	2	2	2.5	1	1.5	1	3	6	9	20
		2. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam											
		3. Những hình thức cơ bản của dân chủ											

3	Chính sách dân số và giải quyết việc làm	1. Chính sách dân số	2	2	2	2.5	1	1.5	1	3	6	9	20
		2. Chính sách giải quyết việc làm											
4	Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường	2. Mục tiêu, phương hướng cơ bản chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường	3	3	2	2.5	1	1.5			6	7	15.55
		3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.											
5	Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa	1. Chính sách giáo dục và đào tạo.	3	3	2	2.5	2	3			7	8.5	18.89
		2. Chính sách khoa học và công nghệ.											
6	Tổng số câu		13	13	10	12.5	7	10.5	3	9	33	45	100
7	Tỉ lệ(%)		39.39	28.89	30.3	27.77	21.21	23.33	9.09	20	100		
8	Tổng số điểm		3.9		3.0		2.1		1.0		10		

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG SỐ CÂU	TỔNG THỜI GIAN	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian			
1	Quốc hội, chủ tịch nước, chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	3	2	2.5	2	3	1	3	8	11.5	25.56
2	Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân	1. Chức năng, cơ cấu tổ chức hoạt động của tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động	2	2	2	2.5	1	1.5			5	6	13.33

		của Viện Kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.											
3	Chính quyền địa phương	1. Hội đồng nhân dân 2. Ủy ban nhân dân	2	2	1	1.25	1	1.5			4	4.75	10.56
4	Pháp luật và đời sống	1. Khái niệm pháp luật 2. Đặc điểm của pháp luật 3. Vai trò của pháp luật trong đời sống	2	2	1	1.25	1	1.5	1	3	5	7.75	17.22
5	Thực hiện pháp luật	1. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật	2	2	2	2.5	1	1.5	1	3	6	9	20
6	Khái niệm, đặc điểm và vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	1. Khái niệm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2. Đặc điểm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội	2	2	2	2.5	1	1.5			5	6	13.33

		chủ nghĩa Việt Nam											
		3. Vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.											
7	Tổng số câu		13	13	10	12.5	7	10.5	3	9	33	45	100
8	Tỉ lệ		39.39	28.89	30.3	27.77	21.21	23.33	9.09	20	100		
9	Tổng số điểm		3.9		3.0		2.1		1.0		10		